

THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI NGƯỜI HÀNH NGHỀ MẠI DÂM

Trần Thu Hương

Khoa Tâm lý học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn.

1. Đặt vấn đề

Trong một số năm gần đây, sự kỳ thị và hành vi phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS là một trong những hiện tượng xã hội đáng chú ý và thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, có một thực tế là sự lây truyền HIV/AIDS liên quan chặt chẽ với hoạt động tiêm chích ma túy và hành nghề mại dâm. Nói cách khác, mại dâm và tiêm chích ma túy là hai con đường thông dụng nhất làm lây nhiễm HIV.

Theo cách nhìn của người Việt Nam, quan hệ tình dục sai trái và tiêm chích ma túy là những hành vi lệch chuẩn, gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình và xã hội. Vì vậy, người sử dụng ma túy và người hành nghề mại dâm thường là đối tượng đầu tiên bị quy kết trách nhiệm. Đối với người tiêm chích ma túy, sự kỳ thị mang tính phức tạp riêng khi họ còn bị coi là “phần tử” chơi bời, hư hỏng và không có đóng góp gì cho cộng đồng. Đối với người hành nghề mại dâm, hoạt động của họ bị coi là “bán thân nuôi miệng” và thường bị cộng đồng lên án mạnh mẽ. Có thể nói, sự phán xét đạo đức đối với hai nhóm xã hội này khá nặng nề.

2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp chính để thu thập thông tin là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Bộ câu hỏi điều tra được thiết kế nhằm tìm hiểu quan niệm của sinh viên đối với người hành nghề mại dâm. Nội dung của bộ câu hỏi tập trung vào các khía cạnh có liên quan tới nhận thức, thái độ của sinh viên về nhóm đối tượng trên: Họ đánh giá thế nào về những người này? Theo họ, những nguyên nhân nào khiến một người đi vào con đường mại dâm? Việc hành nghề mại dâm sẽ đưa cá nhân tới những nguy cơ gì? Người hành nghề mại dâm có khả năng thay đổi hành vi của mình không? Và câu hỏi quan trọng nhất là người hành nghề mại dâm thường sinh ra trong gia đình có cha mẹ ra sao? Liều các hành vi nguy cơ của người hành nghề mại dâm có thể có nguồn gốc từ sự thiếu hụt vai trò của các ông bố, bà mẹ trong gia đình?

Quá trình thu thập thông tin được thực hiện vào tháng 2/2006 tại hai trường đại học là Trường Đại học Kinh tế quốc dân và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. Mẫu nghiên cứu bao gồm 315 sinh viên.

3. Kết quả nghiên cứu

Theo số liệu điều tra, người hành nghề mại dâm được chia làm hai loại: 1/ Người bán dâm tự nguyện; 2/ Người bị lừa đảo, ép buộc phải hành nghề mại dâm.

Những người bị lừa đảo, ép buộc phải hành nghề mại dâm thường là những cô gái từ nông thôn ra thành phố tìm việc làm. Những người này không có nghề nghiệp, hiểu biết hạn chế, tính tình lại nhẹ dạ, cả tin nên dễ dàng bị rơi vào hang ổ của bọn “buôn người”. Họ có nỗi khổ tâm riêng và là đối tượng bị bọn Tú Bà, bảo kê bóc lột tình dục. Những đối tượng này, xã hội cần có sự cảm thông, giúp đỡ và tạo điều kiện để họ hoàn lương, trở lại cuộc sống bình thường.

“Tôi không đồng tình với hành vi của những người bán dâm. Tuy nhiên, cũng có trường hợp họ là nạn nhân của một cuộc mua bán, trao đổi mà họ vô tình không biết. Bởi vậy, với những người này, chúng ta phải có sự tiếp nhận và tạo điều kiện giúp đỡ họ trở về với cộng đồng” (SV nữ, 20 tuổi, Trường ĐH KH-XN-NV HN).

“Tôi nghĩ họ phần nhiều là các cô gái từ nông thôn ra. Có thể vì nhà nghèo, không có trình độ, không tìm được việc làm... cũng có thể bị bọn lưu manh lừa vào nhà chứa nên bất đắc dĩ phải làm cái nghề ấy. Tôi thấy họ đáng thương hơn đáng trách” (SV nam, 22 tuổi, Trường ĐH KTQD).

Với những người hành nghề mại dâm tự nguyện dưới bất cứ hình thức nào và vì bất cứ nguyên nhân gì cũng bị nhóm khách thể nghiên cứu lên án. Theo họ, *về nhân cách*, những người này là những người không có lòng tự trọng khi kiếm tiền dựa trên thân xác; vô trách nhiệm với bản thân, phó mặc cuộc đời mình cho số phận đưa đẩy. *Về lối sống*, họ có lối sống buông thả, đua đòi, ăn chơi sa đoạ và lười lao động. *Về nhận thức*, đó là những người có trình độ học vấn thấp kém, tầm hiểu biết hạn hẹp, suy nghĩ nông cạn và không ý thức được hành vi của mình.

Từ tất cả các khía cạnh trên, theo những người được phỏng vấn, nghề mại dâm là nghề mặt hàng, bỉ ổi nhất trong xã hội. Người hành nghề mại dâm là đối tượng gieo rắc HIV/AIDS, phá vỡ thuần phong mỹ tục của dân tộc và là tác nhân phá vỡ cấu trúc ổn định của gia đình. Họ xứng đáng bị xã hội khinh miệt.

Một số SV khát khe hơn quan niệm, người hành nghề mại dâm là “phế phẩm” mà xã hội cần loại bỏ, là một trong những nguyên nhân làm suy thoái giống nòi, “đưa đất nước tới chỗ kém phát triển, kém văn minh” (SV nữ, 21 tuổi, Trường ĐH KTQD). Trong quan niệm này, ngay cả những cô gái bị ép buộc bán dâm cũng đáng chê trách.

“Tuy biết nhiều người đi vào con đường này do bị ép buộc hoặc lừa gạt, nhưng tôi vẫn không thể nào thông cảm cho họ được. Bởi nếu vậy họ phải biết đấu tranh để thoát ra khỏi vũng bùn nhơ nhớp đó chứ không phải cam chịu và đổ lỗi cho hoàn cảnh” (SV nam, 20 tuổi, Trường ĐH KHXN-NV HN).

“Tôi nghĩ họ đáng trách nhiều hơn đáng thương. Là người không chấp nhận được dù với bất cứ lý do gì. Xét một cách khách quan, họ đáng bị xã hội coi thường” (SV nữ, 19 tuổi, Trường ĐH KHXH-NV HN).

“Tôi thấy những người làm nghề này thật đáng khinh, không có lý do gì để thông cảm cho họ cả. Hoàn cảnh thì ai cũng có nhưng không được đổ lỗi cho hoàn cảnh để đi làm cái nghề bẩn thỉu đó” (SV nữ, 22 tuổi, Trường ĐH KTQD).

Ở một số người, sự kỳ thị không chỉ dừng lại ở mức độ phân loại những người hành nghề mại dâm ra khỏi những người “bình thường” bằng cách “đán nhãn”, liên hệ sự khác biệt của những người hành nghề mại dâm với những thuộc tính xấu, mà còn phát triển thành hành vi tách “chúng ta” ra khỏi “chúng nó”. Điều đó có nghĩa, sự kỳ thị đối với người hành nghề mại dâm không chỉ giới hạn ở mức độ nhận thức, mà còn “biến tướng” thành cảm xúc khinh miệt, ghê tởm và hành vi xa lánh: “Mặc dù tôi chưa bao giờ tiếp xúc trực tiếp với những người này, nhưng tôi thấy ghê tởm họ. Tôi thấy họ cứ “gớm gớm” làm sao ấy” (SV nữ, 20 tuổi, Trường ĐH KHXN-NV HN).

Chỉ có một số ít người có cái nhìn bao dung với người hành nghề mại dâm khi quan niệm rằng, không phải tất cả những cô gái bán dâm đều hư hỏng, sa đọa, và mọi người cần tránh thái độ “vơ đũa cả nắm”: “Tôi nghĩ người hành nghề mại dâm cũng có người tốt, kẻ xấu. Vì vậy, cần có thái độ rõ ràng và nhận xét đúng đắn bản chất của từng người. Đa phần mọi người đều xa lánh, khinh rẻ họ, nhưng tôi nghĩ, cần có cái nhìn bao dung hơn, tìm hiểu nguyên nhân xô đẩy họ tới con đường này. Pháp luật cần nghiêm khắc trừng trị những kẻ tổ chức mua bán dâm” (SV nam, 21 tuổi, Trường ĐH KHXH-NV HN).

Có thể thấy, trên thực tế, xu hướng chung trong đánh giá của phần lớn sinh viên là lên án hành vi và nhân cách của người hành nghề mại dâm. Có những người thì tỏ ra kỳ thị, ác cảm gay gắt với người bán dâm. Đứng từ góc độ giới, không một khách thể nào trong mẫu nghiên cứu nghĩ người hành nghề mại dâm là nam giới, dù trong thực tế có những nam giới làm “trao bao”. Trong suy nghĩ của nhóm khách thể được nghiên cứu, nói tới nghề mại dâm là nói tới sự tham gia của phụ nữ. Phụ nữ có xu hướng bị kỳ thị nặng nề hơn nam giới bởi sự kết hợp giữa một bên là mặc định phổ biến “*chỉ có phụ nữ mới làm cái nghề này*” và bên kia là quan niệm xã hội yêu cầu phụ nữ phải giữ gìn đức hạnh.

Như vậy, đánh giá một người hành nghề mại dâm là tốt hay xấu không chỉ nằm ở phương diện sức khỏe cộng đồng, thuần phong mỹ tục của dân tộc, mà nó còn gắn với những giá trị về đạo đức, nhân phẩm, lối sống của người hành nghề mại dâm. Đứng từ góc độ văn hoá, ở Việt Nam, nghề mại dâm bị đánh giá rất thấp và người

hành nghề mại dâm luôn bị khinh rẻ. Trong vốn từ vựng của người Việt, có rất nhiều từ nói lên sự khinh miệt đối với hoạt động mại dâm. Nơi các cô gái mại dâm hành nghề được gọi là “lầu xanh”, “nhà thổ”, “nhà chứa”. Nếu một người gọi người khác là “con đĩ”, “con điểm” hoặc “con phò” thì điều đó đồng nghĩa với sự sỉ nhục.

Như trên đã phân tích, sự kỳ thị đối với người hành nghề mại dâm khá nặng nề. Những hậu quả của mại dâm gây ra đối với xã hội cũng rất to lớn. Nhưng hiện nay, cộng đồng đang tạo điều kiện giúp đỡ người hành nghề mại dâm hoàn lương và tin tưởng vào khả năng thay đổi hành vi của họ. Trong số những người được hỏi, có 93.8% cho rằng người hành nghề mại dâm có khả năng hoàn lương, 5.9% còn lại phủ nhận sự thay đổi hành vi của nhóm người này.

Lòng tin đối với sự thay đổi hành vi của người hành nghề mại dâm phản ánh quan niệm về con người của phần lớn khách thể nghiên cứu: “Bản chất của con người là thiện. Ai cũng mong muốn sống một cuộc đời tốt đẹp, không bị người khác coi thường. Người hành nghề mại dâm cũng có mong muốn hướng thiện như vậy” (SV nữ, 19 tuổi, Trường ĐH KTQD).

Tin ở bản chất tốt đẹp của con người, tin ở khát vọng được sống lương thiện của người hành nghề mại dâm, nhưng theo những người được điều tra, sự thay đổi hành vi của người bán dâm cần có thêm nhiều chất xúc tác. Về phía bản thân, người hành nghề mại dâm cần có quyết tâm từ bỏ lối sống cũ, nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của việc bán dâm. Về phía gia đình và xã hội, mọi người nên từ bỏ thái độ kỳ thị với người hành nghề mại dâm. Nếu được tạo công việc mới, được thường xuyên quan tâm và thay đổi môi trường sống, phần lớn khách thể nghiên cứu tin tưởng người hành nghề mại dâm sẽ có sự thay đổi nhân cách theo chiều hướng tích cực. “Tôi nghĩ những người hành nghề mại dâm hoàn toàn có khả năng thay đổi hành vi của họ, nếu họ có quyết tâm. Chỉ cần gia đình, bạn bè và xã hội tạo công ăn việc làm cho họ, luôn động viên và không khinh bỉ họ. Hãy cho họ cơ hội để làm lại từ đầu. Nếu mọi người bớt phân biệt đối xử, mở rộng vòng tay với người ta thì sự thay đổi tuy khó khăn, nhưng không phải là không thể làm được” (SV nam, 20 tuổi, Trường ĐH KTQD).

Bên cạnh sự lạc quan như trên, cũng có những ý kiến cho rằng, hành vi của người hành nghề mại dâm là khó thay đổi. Sự khó thay đổi này bắt nguồn từ tính cách, lối sống của người hành nghề mại dâm, từ dư luận của xã hội và những thế lực ngầm ngăn cản người hành nghề mại dâm hoàn lương. Theo thống kê của Trung tâm Giáo dục lao động số 2 Hà Nội (2005), trong thời gian ở trung tâm, 70% học viên không có người thân thăm nuôi, bị gia đình chối bỏ. Thêm vào đó, phần lớn gái mại dâm do bị ràng buộc bởi những tay giang hồ, chủ chứa nên dần đoạn tuyệt với ý nghĩ hoàn lương. Đó là lý do khiến 90% học viên sau khi trở về cộng đồng lại tiếp tục hành nghề mại dâm, để rồi một thời gian sau bị bắt trở lại. Điều này nói lên mức độ nan giải của tệ nạn mại dâm và sự cùng đường của các cô gái.

Như vậy, khi đánh giá về người hành nghề mại dâm, thái độ của 315 sinh viên được điều tra trong nghiên cứu này là, người hành nghề mại dâm là những người vừa “đáng thương” vừa “đáng trách”. Trong đó, khía cạnh “đáng trách” được xem xét nhiều hơn, do hành vi này không được chấp nhận về mặt xã hội, bị coi là “vô đạo đức” nên dẫn đến cái nhìn thiếu thiện cảm, tình trạng kỳ thị và hành vi phân biệt đối xử. Khi bàn luận về người hành nghề mại dâm, xu hướng chung của nhóm khách thể nghiên cứu là biểu lộ thái độ khinh ghét, lên án. Người hành nghề mại dâm thường bị coi là “vật chủ mang bệnh” hoặc “trung gian gây bệnh”. Dãy chuyển lay nhiễm được hiểu là: từ người hành nghề mại dâm - lay sang khách hàng - lay sang vợ khách hàng - rồi lay sang con cái. Cách mô tả như vậy khoét sâu thêm hình ảnh tiêu cực về nhóm người này, vốn đã tồn tại bằng tên gọi “con phò/con điểm”. Tuy có sự kỳ thị và lên án mạnh mẽ, nhưng hầu hết khách thể nghiên cứu (chiếm 93,8%) tin tưởng ở khả năng thay đổi hành vi của người hành nghề mại dâm, với điều kiện họ có quyết tâm và nhận được sự giúp đỡ của gia đình, cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trần Lâm. *Động thái về nguy cơ mắc AIDS và các mối quan hệ tình dục của người tiêm chích ma túy ở Việt Nam*. Tạp chí Giới, Tình dục và Sức khỏe tình dục, NXB Y học, Hà Nội, 2004.
2. G. Pheterson. *Lãng kính của mại dâm*. NXB Harmattan, Paris, 2001.
3. R. Poulin. *Mại dâm, tội lỗi có tổ chức và sự thương mại hoá*. Tạp chí Thế giới thứ ba, tập XLIV, số 176, NXB PUF, Paris, 2003.
4. Trần Thu Hương. *Hành vi nguy cơ ở thanh thiếu niên Việt Nam và sự gia nhập uy quyền của người cha. Nghiên cứu ứng dụng đối với vấn đề mại dâm và ma túy*. Luận án tiến sĩ, trường Đại học Toulouse II, cộng hoà Pháp, 2007.
5. C. Villey. *Mại dâm: những điều cần nói*. Trong “Mại dâm và xã hội”, số 122, Le Mouvement du Nid, 1998.